

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST
Ngày: 09/8/2022
V/v: Tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Bé Hai.
- Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST-DS ngày 22/02/2022 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/QĐXXST-DS ngày 21/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2022/QĐST-DS ngày 14/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 10/5/2022.

Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1973;

Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1975;

Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1994;

Chị Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị H là anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 10/5/2022.

(Đại diện ủy quyền nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2022 và đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Do chỗ quen biết nên ông L có cho bà T và ông T1 mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- + Ngày 05/02/2021 (âm lịch) mượn 300.000.000đồng.
- + Ngày 30/4/2021 (âm lịch) mượn 125.000.000đồng.
- + Ngày 20/6/2021 (dương lịch) mượn 1.300.000.000đồng.
- + Ngày 19/10/2021 (âm lịch) mượn 817.500.000đồng.

Tổng cộng là 2.542.500.000đồng.

Khi mượn hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mỗi lần mượn đều có viết biên nhận, thời hạn mượn hai bên thỏa thuận là khi nào ông L cần thì thông báo cho bà T, ông T1 biết trước 01 ngày sẽ trả đủ. Số tiền trên ông T1, bà T mượn để mua phân thuốc về bán lại vì ông T1 và bà T có kinh doanh mua bán phân thuốc ở địa phương. Tất cả những lần ông T1 và bà T mượn tiền có sự chứng kiến và ký tên của Nguyễn Hữu T2 và Nguyễn Thị Ái N. Trong quá trình mượn tiền ông T1 và bà T đã trả được tiền nợ gốc là 542.000.000đồng, còn nợ lại 2.000.000.000đồng nhưng không đóng được đồng lãi nào. Khi ông L cần thu hồi số nợ trên để làm ăn thì ông T1 và bà T chỉ hứa chứ không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện ông L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T, anh Nguyễn Hữu T2 và chị Nguyễn Thị Ái N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền đã mượn còn nợ là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T có mượn của ông L số tiền 2.542.500.000 đồng, trong đó có số tiền mượn đất là 300.000.000đồng; ông T1, bà T đã trả 542.500.000 đồng (trong đó có 300.000.000đồng tiền mượn đất); đến tháng 10/2021 (âm lịch) còn nợ lại 2.000.000.000đồng. Nay ông L rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Hữu T2, chị Nguyễn Thị Ái N, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T liên đới trả cho ông L số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, tính từ tháng 10/2021 âm lịch đến nay làm tròn là 9 tháng là 149.400.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 2.149.400.000đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm ngàn đồng).

- Đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị T, anh Nguyễn Hữu T2, chị Nguyễn Thị Ái N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án,

Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Biên nhận mượn tiền có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Phan Thị T, ông Nguyễn Hữu T1, anh Nguyễn Hữu T2, chị Nguyễn Thị Ái N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phía nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh Nguyễn Hữu T2, chị Nguyễn Thị Ái N, cùng có trách nhiệm liên đới với ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T trả nợ cho ông L. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T trả cho ông L số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận vay tiền ngày 05/02/2021, 30/4/2021, 20/6/2021, 19/10/2021 có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Nguyễn Hữu T1 và Phan Thị T. Xét thấy, tài liệu, chứng cứ trên là bản gốc và có nội dung phù hợp với nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông L và ông T1, bà T

có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 2.542.500.000 đồng, trong đó có số tiền mượn đất là 300.000.000 đồng; ông L thừa nhận ông T1, bà T đã trả 542.500.000 đồng (trong đó có 300.000.000 đồng tiền mượn đất); đến tháng 10/2021 (âm lịch) còn nợ lại 2.000.000.000 đồng đã được ông L chứng minh bằng biên nhận mượn tiền đề ngày 05/02/2021, 30/4/2021, 20/6/2021, 19/10/2021 có chữ ký của ông T1, bà T. Tờ biên nhận này do ông L giao nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của ông L.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông T1, bà T. Tuy nhiên, ông T1, bà T vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”; và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.....*”.

Đối với yêu cầu về lãi suất, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn M đại diện ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T trả cho ông L số tiền lãi theo mức lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,83%/tháng, tính từ ngày bên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 19/10/2021 (âm lịch) đến 12/7/2022, chỉ yêu cầu tính tròn 9 tháng, với số tiền: $2.000.000.000 \times 9 \times 0,83\% = 149.400.000$ đồng. Xét thấy theo hợp đồng vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/ tháng nhưng không có căn cứ chứng minh và bị đơn cũng không thừa nhận mức lãi này. Do đó nay phía nguyên đơn xác định phía bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu mức lãi suất trên là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*** Tuyên xử:**

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, đối với yêu cầu anh Nguyễn Hữu T2, chị Nguyễn Thị Ái N, cùng có trách nhiệm liên đới với ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị T trả nợ cho ông L.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông L số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi là 149.400.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 2.149.400.000 đồng (Hai tỉ, một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 79.470.000 đồng, ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị T phải chịu.

+ Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai số 0007273 ngày 21/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Văn Phong

